

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 25-01-2018
(V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hoài Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Tăng Hữu;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tường Vy.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên tòa:

Ông Trần Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-DSST ngày 19 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đào Thị T và ông Trần Văn C; cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày: Ngày 08/5/2014 âm lịch (ngày 05/6/2014) ông Trần Văn C và bà Đào Thị T có vay của bà Nguyễn Thị K số tiền 200.000.000 đồng và có gửi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 593796 do UBND huyện C cấp ngày 22/3/2006, hạn đến ngày 08/3/2015 âm lịch sẽ trả, nếu không trả thì bà Nguyễn Thị K được quyền sử dụng lô đất nói trên. Nhưng đến nay ông Trần Văn C và bà Đào Thị T vẫn chưa trả số tiền nợ, bà Nguyễn Thị K đã nhiều lần liên lạc ông C, bà T nhưng không thể gặp được, đồng thời bà K được biết hiện nay Chi cục Thi hành dân sự huyện C đang kê biên và bán đấu giá lô đất này (lô đất mà bà K đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, ông C) để thi hành một vụ án dân sự khác.

Vì vậy bà Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn C và bà Đào Thị T có trách nhiệm trả cho bà K số tiền 200.000.000đồng. Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bà T ông C chỉ gửi để làm tin và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bà Đào Thị T và ông Trần Văn C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án ngày 19/7/2017 và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 01/9/2017; ngày 16/9/2017 và Tòa án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà T, ông C không đến làm việc cũng như không có ý kiến gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Thẩm phán, thư ký, các thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật BLTTDS năm 2015. Về thẩm quyền thụ lý vụ án đã xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS. Tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97 BLTTDS năm 2015. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS 2015. Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình đúng được quy định tại các Điều 70, 71, 234 BLTTDS năm 2015. Đối với bị đơn Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và đề nghị HĐXX quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Đào Thị T và ông Trần Văn C hiện nay không có mặt tại địa phương nhưng trong hợp đồng vay tiền bà T và ông C ghi nơi cư trú thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, mặt khác bà T và ông C có một ngôi nhà ở địa chỉ này. Việc bà T, ông C thay đổi địa chỉ mà không khai báo với chính quyền địa phương, cũng như không báo nguyên đơn thì được xem như bà T, ông C đã che dấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ tranh chấp: Theo giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị K cung cấp thì ngày 08/3/2015 âm lịch (26/4/2015) là ngày phát sinh tranh chấp, ngày 18/7/2017 bà K nộp đơn khởi kiện. Vụ án còn thời hiệu khởi kiện

theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T, ông C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận định hợp đồng vay tài sản giữa bà Đào Thị T, ông Trần Văn C và bà Nguyễn Thị K đề ngày 08/5/2014 (âm lịch) với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 10 tháng, như vậy hợp đồng hết hạn trả nợ ngày 08/3/2015 âm lịch (ngày 26/4/2015 dương lịch), từ thời điểm vay tiền đến nay bà T, ông C chưa trả khoản tiền nào cho bà K, đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi. Giao dịch này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thực hiện, căn cứ vào thời gian thực hiện xong hợp đồng thì tranh chấp trong vụ án này được điều chỉnh theo Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà K buộc bà T và ông C trả cho bà K số tiền 200.000.000 đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 10.000.000 đồng $[(200.000.000 \times 5) : 100 = 10.000.000 \text{ đồng}]$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 1, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K, buộc bà Đào Thị T và ông Trần Văn C phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Bà Đào Thị T và ông Trần Văn C phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà K không phải chịu án phí DSST, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai số AA/2014/0001010 ngày 19/7/2017, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lộ.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đào Thị T và ông Trần Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoài Thủy